

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU FUSHIMA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU FUSHIMA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FUSHIMA IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FUSHIMA ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108428312

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 64 Châu Văn Liêm, Tổ 3 , Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904.555.784

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                               | 4649        |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn sắt, thép<br>-Bán buôn kim loại khác                                                | 4662        |
| 3.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                    | 4520        |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                         | 7310        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                          | 4530        |
| 6.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                     | 2822        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                 | 4101        |
| 8.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh | 4772        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng kinh doanh có điều kiện và Nhà nước cấm)                                                                   | 4690        |
| 10. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4771        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                | 4652        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                   | 4659(Chính) |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh;                                 | 4789 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322 |
| 16. | In ấn<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                    | 1811 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 4669 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Trang trí nội thất                                                                   | 7410 |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                             | 3320 |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                         | 4753 |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                 | 4610 |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                    | 5610 |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                      | 4719 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651 |
| 26. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                               | 2826 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                    | 4932 |
| 28. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(trừ đấu giá phụ tùng mô tô, xe máy)                                       | 4543 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ DUNG  | Khu TT M1, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 160.000    | 1.600.000.000         | 40,000    | 038184001272                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 160.000    | 1.600.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG | Thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 10,000    | 001080006048                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM ĐÌNH PHÚ    | Thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 50,000    | 111625690                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM ĐÌNH PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111625690

Ngày cấp: 02/05/2013

Nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

